

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI



GIÁO TRÌNH

Môn học: **DU LỊCH SINH THÁI**
Ngành: **QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**
Trình độ: **CAO ĐẲNG**

(Ban hành theo Quyết định số:)

HÀ NỘI, 2019

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

GIẢI THÍCH CHỮ VIẾT TẮT

DLCD	Du lịch cộng đồng
DLST	Du lịch sinh thái
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
IUCN	Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
KBTN	Khu bảo tồn thiên nhiên
KBT	Khu Bảo tồn
NGO	Tổ chức Phi Chính phủ
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
UNEP	Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc
UNWTO	Tổ chức Du lịch Thế giới
VQG	Vườn quốc gia
WWF	Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới

LỜI GIỚI THIỆU

Trong vài thập kỷ gần đây, DLST được coi như là một hiện tượng với xu thế ngày càng phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới và thu hút được sự quan tâm rộng rãi của các tầng lớp xã hội, đặc biệt đối với những người có nhu cầu du lịch, nghỉ dưỡng tại các điểm du lịch thiên nhiên. Ngoài ý nghĩa góp phần bảo tồn tự nhiên, sự đa dạng sinh học và văn hóa cộng đồng, việc phát triển DLST đã và đang mang lại những nguồn lợi kinh tế, tạo cơ hội tăng thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho các cộng đồng người dân địa phương, nhất là các cộng đồng ở vùng sâu, vùng xa, vùng hẻo lánh nơi có các sinh cảnh thiên nhiên ngoại mục, hấp dẫn. Ngoài ra, DLST còn góp phần vào việc nâng cao dân trí và sức khỏe cộng đồng thông qua các hoạt động giáo dục môi trường, văn hóa, lịch sử và nghỉ ngơi giải trí.

Nằm ở vành đai khí hậu nhiệt đới gió mùa, nơi có nhiều cảnh quan đặc sắc và hệ sinh thái điển hình, với nền văn hóa đa dạng, giàu bản sắc của 54 dân tộc anh em, Việt Nam có tiềm năng lớn và đặc sắc cho phát triển DLST. Hiện nay, hoạt động DLST đã được tổ chức khai thác, sử dụng ở một số khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tại các VQG và KBTNN. Tuy nhiên, cho đến nay, việc phát triển loại hình du lịch này còn gặp nhiều bất cập, chưa có sự thống nhất chung về nội hàm và cách thức thực hiện.

Xuất phát từ thực tế đó, giáo trình này được biên soạn dựa trên việc tổng hợp các tài liệu về DLST trong và ngoài nước cũng như kinh nghiệm bản thân của tác giả. Mục đích của giáo trình nhằm cung cấp cho các các giảng viên, sinh viên và các cán bộ liên quan những hiểu biết cơ bản DLST, các nội dung chủ yếu của DLST. Đồng thời, tài liệu cũng cố gắng sử dụng cách tiếp cận thân thiện nhất bằng cách cung cấp các ví dụ thực tế để người đọc tham khảo, trên cơ sở đó có liên hệ và ứng dụng vào tình hình thực tế. Trên cơ sở các nội dung được cung cấp và cách tiếp cận của tài liệu.

Hy vọng rằng tập giáo trình cũng sẽ hữu ích đối với những người hoạt động trong lĩnh vực du lịch sinh thái.

Trong quá trình biên soạn giáo trình này, tác giả cũng nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các thành viên trong khoa, các giảng viên cùng giảng dạy và các thành viên trong hội đồng thẩm định để giáo trình có thể hoàn thiện hơn. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp quý báu đó.

Khuôn khổ giáo trình thì hạn chế, kiến thức của người viết cũng có hạn mà thực tiễn phát triển du lịch sinh thái lại diễn ra rất phong phú và đa dạng, do vậy những sai sót trong biên tập là khó tránh khỏi. Tác giả xin cảm ơn và mong muốn nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các nhà khoa học, đồng nghiệp, độc giả, và những người quan tâm.

Chủ biên

MỤC LỤC

Chương 1. TỔNG QUAN DU LỊCH SINH THÁI	2
1. Sự phát triển của du lịch và DLST.....	2
2. Khái niệm về du lịch sinh thái	5
Định nghĩa về DLST	5
3. Các đặc trưng cơ bản của DLST	6
4. Nguyên tắc của Du lịch sinh thái.....	7
5. DLST và các loại hình du lịch khác	11
6. Các bên tham gia vào DLST.....	13
Chương 2: PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI CÁC KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN	19
1. Cơ sở pháp lý về du lịch sinh thái trong các KBTTN.....	19
2. Vai trò của DLST tại các KBTTN.	22
3. Lợi ích và hạn chế của DLST ở các KBTTN	22
4. Các chỉ dẫn nhằm tăng cường những lợi ích từ DLST cho cácKBTTN	24
5. Sự quan tâm của các bên đối với du lịch ở các KBTTN.....	25
6. Các biện pháp để quản lý du khách tại các KBTTN.....	26
7. Những đặc điểm của VQG & KBTTN để phát triển DLST	31
8. Quy hoạch phát triển DLST ở các VQG & KBTT	32
Chương 3: DU LỊCH SINH THÁI VÀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	42
Mục tiêu của chương:.....	42
1. Cộng đồng địa phương.....	42
2. Đặc điểm của cộng đồng địa phương tại các VQG và KBTTN ở Việt Nam ...	42
3. Du lịch cộng đồng	43
4. Vai trò của cộng đồng địa phương trong phát triển DLST	43
5. Các ảnh hưởng tiềm tàng của DLST tới cộng đồng địa phương.....	44
6. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào phát triển DLST	48
7. Lập kế hoạch phát triển du lịch với sự tham gia của cộng đồng	49
Chương 4. DIỄN GIẢI MÔI TRƯỜNG VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI.....	53
Mục tiêu của chương:.....	53
1. Khái niệm diễn giải môi trường.....	53
2. Sự hình thành và phát triển hoạt động diễn giải môi trường trên thế giới	53
3. Những nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động diễn giải môi trường	54
4. Vai trò của hoạt động diễn giải môi trường với DLST	57
5. Đối tượng của hoạt động diễn giải môi trường trong DLST	60
6. Các hình thức diễn giải.....	61
Chương 5: VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH. SINH THÁI.....	65
1. Khái niệm hướng dẫn viên du lịch.	65
2. Vai trò của hướng dẫn viên trong DLST	65
3. Yêu cầu (cần có) đối với hướng dẫn viên DLST.....	67
4. Nhiệm vụ của hướng dẫn viên DLST	69
5. Xây dựng bài thuyết minh DLST	70
TÀI LIỆU THAM KHẢO	72

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Du lịch sinh thái là mô đun thuộc nhóm kiến thức bổ trợ trong chương trình khung trình độ cao đẳng. Môn học này được giảng dạy sau khi người học đã hoàn thành chương trình các môn học nghiệp vụ chuyên ngành của Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Với mô đun này, người học được trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với vị trí công việc sau này.

- Tính chất: Du lịch sinh thái có liên quan đến các môn học khác như: Địa lý du lịch; Tuyển điểm du lịch; Văn hóa du lịch... Ngoài việc phải nắm rõ lý thuyết, người học còn cần phải thực hiện việc thực hành với nhiều bài tập và tình huống liên quan.

Ý nghĩa và vai trò của môn học

Môn học Du lịch sinh thái Giúp cho học viên có thể hiểu và áp dụng những kiến thức họ trang bị được từ khóa học vào việc đưa ra những kiến nghị và kế hoạch cho phát triển DLST ở những điểm du lịch nhất định

Mục tiêu của môn học

- *Về kiến thức:*
 - + Giải thích được những khái niệm cơ bản về du lịch sinh thái;
 - + Giải thích được những yêu cầu và những quan điểm trong phát triển du lịch sinh thái;
 - + Hiểu được mối quan hệ giữa du lịch sinh thái và bảo tồn thiên nhiên, phát triển cộng đồng;
 - + Nắm vững được các kỹ thuật về diễn giải môi trường trong du lịch sinh thái
 - + Nhận biết được vai trò của hoạt động diễn giải môi trường cũng như vai trò của hướng dẫn viên trong DLST;
 - + Nắm vững được quy trình để xây dựng bài thuyết minh du lịch sinh thái.
- *Về kỹ năng:*
 - + Hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm;
 - + Hình thành kỹ năng viết và trình bày lại được những kiến thức đã nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo về du lịch sinh thái.
 - + Xây dựng các chương trình và hoạt động DLST đơn lẻ.
 - + Lên kế hoạch và tổ chức hoạt động DLST cho cả VQG và KBTTN.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có nhận thức đúng đắn về các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch sinh thái;
 - + Hình thành nên ý thức và đạo đức nghề nghiệp: có ý thức bảo vệ môi trường du lịch và bảo tồn thiên nhiên;
 - + Tự tin hơn ở năng lực của bản thân về kiến thức du lịch sinh thái.

Chương 1. TỔNG QUAN DU LỊCH SINH THÁI

Mục tiêu của chương:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được khái niệm du lịch sinh thái;
- + Làm rõ được vai trò của du lịch sinh thái trong phát triển du lịch bền vững;
- + Trình bày được nguyên tắc du lịch sinh thái;

- Về kỹ năng:

Phân tích được vị trí, vai trò các bên liên quan đến du lịch sinh thái.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Rèn luyện phẩm chất đạo đức và trau dồi chuyên môn cho phù hợp với ngành nghề.

1. Sự phát triển của du lịch và DLST

Thuật ngữ “du lịch”, được mô tả là hoạt động giải trí, lần đầu tiên được xuất bản trong từ điển tiếng Anh Oxford – Oxford English Dictionary vào năm 1811, nhưng khái niệm du lịch đã xuất hiện từ trước đó rất lâu vào thời Hy Lạp và La Mã cổ đại, thời mà tầng lớp thượng lưu thường thực hiện những kỳ nghỉ tại các suối nước nóng thiên nhiên và khám phá những địa danh mới lạ quanh Địa Trung Hải và Châu Âu. Một tu sĩ người Pháp tên là Aimeri De Picaud, người được cho là viết cuốn sách hướng dẫn du lịch đầu tiên trên thế giới. Cuốn sách của ông, xuất bản năm 1130, với ý định giúp những người hành hương thực hiện các chuyến đi tới Tây Ban Nha (Honey, 1999).

Các chuyến lữ hành đầu tiên trên thế giới thường được gắn kết với mục đích hành hương tôn giáo, điều tra khoa học, thám hiểm địa lý, nghiên cứu nhân học và văn hóa, khai thác tài nguyên và nguồn nhân lực, hoặc xâm chiếm vùng đất... nhưng từ buổi ban đầu, những người đi du hành luôn luôn có xu hướng tìm kiếm những địa danh gắn với vẻ đẹp thiên nhiên để khám phá và giải trí, thư giãn. Cho đến nửa đầu của thế kỷ 20, số lượng khách lữ hành vẫn còn chưa nhiều và tốc độ di chuyển còn chậm. Họ đi du lịch vòng quanh thế giới bằng bộ hành, thuyền buồm, ngựa, la, lạc đà và cho đến giai đoạn sau này là bằng tàu thủy, tàu hỏa, ô tô và máy bay.

Vào thế kỷ 18 và 19, các quý tộc ở Anh quốc, Châu Âu và dần dà là tầng lớp thượng lưu Mỹ thường thực hiện các chuyến lữ hành “grand tours” để thưởng ngoạn những giá trị văn hóa và thiên nhiên của lục địa, bao gồm những chuyến lữ hành đến các vùng núi ở Thụy Sĩ. Với cuộc cách mạng công nghiệp, những ngày nghỉ được trả công đầu tiên và lữ hành giá rẻ bằng hệ thống xe lửa tích hợp đã tạo ra một cuộc di dân lớn tới các khu nghỉ dưỡng bờ biển ở Châu Âu. Vào năm 1841, Thomas Cook, người được xem là ông tổ của lữ hành hiện đại, đã tổ chức chuyến du lịch trọn gói đầu tiên bằng xe lửa từ Leicester đến Loughborough (một quãng đường khoảng 30km) cho 570 người để tham dự cuộc mít tinh của hội những người chống nghiện rượu. Vào những năm 1850, Cook đã bắt đầu tổ chức các tuyến du lịch vươn ra ngoài phạm vi nước Anh, tỏa đi khắp Châu Âu và các đại lục khác. Cũng vào khoảng thời gian này, ở nước

Mỹ, Công ty American Express bắt đầu giới thiệu loại séc du lịch và phiếu khách hàng.

Nhưng du lịch chỉ thực sự bùng nổ với sự ra đời của hàng không. Du lịch bằng máy bay nhằm mục đích thư giãn, giải trí bắt đầu vào năm 1948 khi hãng hàng không Pan American World Airways bán ra thị trường vé dành cho khách du lịch. Du lịch đại chúng quốc tế thực sự cất cánh với sự ra đời của các chuyến máy bay thương mại nối liền Mỹ và Châu Âu, và vào năm 1957, động cơ máy bay đã tạo cho việc du lịch đường không được dễ dàng hơn với công chúng. Chưa tới những năm 1970, với sự ra đời của các loại máy bay tốc độ cao và có thân rộng, các điểm đến du lịch thuộc các nước thứ ba đã trở lên dễ dàng tiếp cận hơn với nhiều người. Vào giữa những năm 1970, 8% khách du lịch đến từ các nước phát triển thực hiện các hành trình nghỉ dưỡng tới các nước đang phát triển. Vào giữa những năm 1980, con số này đã lên tới 17% và giữa những năm 1990 đã lên đến ngưỡng 20%. Du lịch quốc tế tới các nước thế giới thứ ba tăng 6% hàng năm, so với mức chỉ 3.5% đối với các nước phát triển. Khoảng 80% những khách du lịch nước ngoài này đến từ chỉ khoảng những nước phát triển. Trong khoảng thời gian từ năm 1992 đến năm 1997, lượng khách du lịch quốc tế toàn cầu tăng từ 463 triệu lên 594 triệu, một bước tăng nhảy vọt khoảng 30% (Honey, 1999). Năm 2012, theo Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) lượng khách quốc tế toàn cầu đã là hơn 1 tỷ.

Với những sự thay đổi và phát triển mạnh mẽ về môi trường làm việc và phương tiện kỹ thuật, như là sự thay đổi về phương tiện vận tải, cũng dẫn đến thay đổi về cách thức và những điểm đến mà du khách dành thời gian để thư giãn. Karen Ziffer, một chuyên gia sinh thái của Tổ chức Bảo tồn Quốc tế (Conservation International), đã chỉ ra rằng, “mọi người dùng thời gian rảnh hạn chế của mình để thư giãn sau một tuần làm việc mệt nhọc”. Thời gian giải trí và thời gian nghỉ dưỡng được trả lương ngày càng được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cũng như các tổ chức khác quan tâm như là một quyền cơ bản của con người. Bộ quy tắc đầu tiên của Tổ chức Lao động Quốc tế về ngày nghỉ được trả lương được thông qua năm 1936, cho phép một cá nhân được nghỉ hưởng lương chỉ 1 tuần trong năm, nhưng đến năm 1970 Bộ quy tắc đã mở rộng ngày nghỉ được hưởng lương từ 1 tuần lên 3 tuần cho tất cả người lao động. Với thời gian nghỉ được trả lương, giờ lao động ngắn lại, trình độ của người lao động được nâng cao, nhu cầu phát triển cá nhân cũng như là giải trí và thư giãn của người dân dần nâng cao.

Trong suốt những năm 1950, 1960, 1970 và đặc biệt vào những năm 80 của thế kỷ 20, du lịch đại chúng (massive tourism) đặc biệt phát triển. Người ta thường đồng nghĩa loại hình du lịch này với “4S”, biển, ánh nắng, cát vàng và tình dục (sun, sea, sand, sex). Mặc dù sơ khởi du lịch đại chúng được quảng bá là ngành “công nghiệp không khói” (không có ô nhiễm) có thể tạo ra nhiều cơ hội việc làm và tăng tổng thu nhập quốc dân, nhưng với sự phát triển của nó, người ta sớm nhận ra rằng, lợi nhuận kinh tế của du lịch đại chúng là không đáng kể và du lịch đại chúng có ảnh hưởng to lớn tới môi trường và xã hội. Hầu hết thu nhập từ du lịch không ở lại với các điểm du lịch - nước đón khách, và

thường chỉ đem lại lợi nhuận cho cộng đồng địa phương với những công việc được trả lương thấp như là làm bồi bàn, lái xe tắc-xi, làm người khuân vác... Du lịch đại chúng thường mang đến sự phát triển quá mức hoặc phát triển không cân bằng, ô nhiễm môi trường và sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai cũng như phá vỡ nền kinh tế. Những chỉ trích về du lịch đại chúng (massive tourism) ngày càng tăng cao vào nửa cuối những năm 70 cho đến giữa những năm 80 của thế kỷ 20.

Bị thúc đẩy bởi việc tìm kiếm loại hình du lịch xa lánh những đám đông và thử thách cũng như trải nghiệm bản thân, rất nhiều người yêu thiên nhiên đã tìm đến với những điểm du lịch hẻo lánh và biệt lập nơi có quang cảnh yên bình và nguyên sơ. Không ít người trong số họ đã trở thành những người tiên phong trong DLST. Khi họ trải nghiệm các khu vực thiên nhiên hoang dã bị đe dọa và biết về hoàn cảnh khó khăn của chúng, họ rất muốn làm một việc gì đó để giúp đỡ. Họ tìm kiếm các chương trình giáo dục môi trường, và sẵn sàng trả phí vào cửa cũng như sẵn sàng mua các sản phẩm, dịch vụ của địa phương nhằm giúp hỗ trợ kinh tế địa phương.

Nắm bắt được nhu cầu của khách du lịch, rất nhiều công ty du lịch đã đưa ra các chương trình hướng tới đối tượng du khách này. Các công ty này cũng bắt đầu nhận ra rằng họ có thể nắm vai trò tiên phong trong việc bảo vệ môi trường bằng cách tài trợ các tổ chức bảo tồn địa phương ở các điểm du lịch họ đến thăm và gây quỹ phát triển địa phương. Họ cũng sớm nhận biết là đào tạo và thuê người địa phương tham gia vào công việc kinh doanh của họ là giải pháp tốt nhất để quản lý hoạt động kinh doanh và là cách tuyệt vời nhất để đem lại lợi ích hiệu quả cho người dân địa phương.

Trong khoảng thời gian nửa cuối những năm 70 và giữa những năm 80 của thế kỷ 20 này, DLST đã dần dần được định hình. Ban đầu, định nghĩa DLST thường chưa rõ ràng, nó thường được đề cập đến như là du lịch “trách nhiệm”, “bền vững”, “bảo tồn”, hoặc “ít tác động” và thường được ngành du lịch xếp loại ở du lịch mạo hiểm hay du lịch thiên nhiên.

Người được cho là cha đẻ của thuật ngữ DLST là Hector Ceballos - Lascrain, một nhà môi trường học và kiến trúc sư người Mexico, người được cho là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ “Du lịch sinh thái” vào năm 1983.

Cho đến những năm 1990, khái niệm DLST đã trở thành khái niệm mới và nóng nhất về loại hình du lịch có trách nhiệm xã hội và môi trường.

Ở Việt Nam, thuật ngữ DLST đã “xuất hiện” từ những năm 1990 và đã được văn bản hóa ở một số báo cáo hội nghị, hội thảo như Hội thảo về “DLST với phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam” do Viện Nghiên cứu và Phát triển Du lịch và Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) tổ chức tháng 4 năm 1998; hoặc Hội thảo “Xây dựng chiến lược quốc gia phát triển DLST ở Việt Nam” do Tổng cục Du lịch phối hợp với IUCN và Ủy ban Kinh tế – Xã hội Châu Á – Thái Bình Dương (ESCAP) tổ chức tháng 9 năm 1999, theo đó DLST được đề cập tới trong 2 hội thảo này là *hình thức du lịch thiên nhiên có mức độ giáo dục cao về sinh thái và môi trường có tác động tích cực đến việc bảo vệ*

môi trường và văn hóa, đảm bảo mang lại các lợi ích về tài chính cho cộng đồng địa phương và có đóng góp cho các nỗ lực bảo tồn.

2. Khái niệm về du lịch sinh thái

Thuật ngữ “du lịch sinh thái” cũng được đề cập tới trong Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng tại Khoản 2, Điều 50 (Đối với những khu rừng đặc dụng là khu bảo vệ cảnh quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập ban quản lý; trường hợp không thành lập ban quản lý thì cho tổ chức kinh tế thuê rừng để kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - môi trường dưới tán rừng), hay tại Khoản 1 Điều 53 của luật trên DLST cũng được nhắc tới (Việc tổ chức hoạt động kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - môi trường trong phạm vi khu rừng đặc dụng phải có dự án được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt). Năm 2017, thuật ngữ DLST chính thức được luật hóa trong Luật Du lịch có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, theo đó “*Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường*”. (Luật Du lịch, 2017).

Từ khi thuật ngữ DLST xuất hiện ở Việt Nam, việc tổ chức loại hình DLST đã được thực hiện ở nhiều nơi, đặc biệt tại các VQG & KBTTN. Tuy nhiên, tại một số nơi việc tổ chức DLST còn nhiều vấn đề bất cập và chưa thực hiện theo đúng nghĩa, mới mà chỉ là du lịch dựa vào tự nhiên có màu sắc của DLST. Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy hai thành tố trong cụm từ Du lịch sinh thái đó là: Du lịch và sinh thái. Do vậy nếu hiểu nôm na thì có thể coi du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào hệ sinh thái, hay du lịch khai thác hệ sinh thái. Mà hệ sinh thái (Ecosystem) thì bao gồm hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân văn. Rõ ràng nếu theo cách hiểu trên thì du lịch sinh thái là một phạm trù quá rộng, gần như đồng nghĩa với du lịch nói chung. Bởi vì du lịch nói chung phát triển dựa trên những nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn. Du lịch sinh thái trên thực tế không thể đồng nghĩa với du lịch nói chung. Quan điểm hiện nay là chỉ giới hạn du lịch sinh thái chủ yếu trong phạm trù là du lịch dựa vào tự nhiên là chính (các khía cạnh văn hóa bản địa được xem là một hợp phần phụ của DLST). Sản phẩm chương trình du lịch sinh thái chủ yếu là nơi có hệ sinh thái tự nhiên là hấp dẫn chính.

Kể từ buổi ban đầu, DLST đã được định nghĩa theo nhiều phương diện khác nhau, từ chung chung và mơ hồ cho đến cụ thể và có tính nguyên tắc.

Định nghĩa về DLST

* Theo Hector Ceballos- Lascurain - một nhà nghiên cứu tiên phong về du lịch sinh thái, định nghĩa DLST lần đầu tiên vào năm 1983(Ceballos - Lascuráin, 1996) Du lịch sinh thái là du lịch đến những khu vực tự nhiên ít bị ô nhiễm hoặc ít bị xáo trộn với những mục tiêu đặc biệt: nghiên cứu, trân trọng và thưởng ngoạn phong cảnh và giới động - thực vật hoang dã, cũng như những biểu thị văn hoá (cả quá khứ và hiện tại) được khám phá trong những khu vực này

* Hiệp hội Du lịch Sinh thái, 1990 (Lindberg, 1993, Drumm and Alan, 2005) cho rằng: DLST là việc đi lại có trách nhiệm tới các khu vực tự nhiên còn bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương

* Buckley, 1994 (Phạm Trung Lương, 2002): Chỉ có du lịch dựa vào thiên nhiên, được quản lý bền vững, hỗ trợ bảo tồn và có giáo dục môi trường mới được mô tả là du lịch sinh thái

* Theo UNEP - United Nations Environment Programme (Wood, 2002): DLST phải bao gồm các yếu tố sau:

- Đóng góp cho bảo tồn sự đa dạng sinh học
- Duy trì bền vững phúc lợi cho cộng đồng địa phương
- Bao gồm hoạt động diễn giải, giáo dục môi trường
- Khuyến khích các hoạt động có trách nhiệm của du khách và ngành du lịch

- Thường được tổ chức bởi các doanh nghiệp có quy mô nhỏ cho các nhóm du khách nhỏ

- Đòi hỏi tiêu thụ một cách tối thiểu những nguồn tài nguyên không thể tái tạo được

- Chú trọng sự tham gia, sở hữu và tổ chức các hoạt động kinh doanh của cộng đồng địa phương, đặc biệt là các cộng đồng ở các khu vực hẻo lánh.

* Luật Du lịch Việt Nam (2017): DLST là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững.

* Mặc dù có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau, song khái quát lại, DLST được nhìn nhận bao gồm những thành phần chủ yếu:

- Phát triển dựa vào những giá trị (hấp dẫn) của thiên nhiên và văn hóa bản địa.

- Được quản lý bền vững về môi trường sinh thái

- Có giáo dục và diễn giải về môi trường.

- Có đóng góp cho những nỗ lực bảo tồn và phát triển cộng đồng.

3. Các đặc trưng cơ bản của DLST

DLST, nếu được biểu thị với ý nghĩa đích thực của nó, bao gồm 5 đặc trưng cơ bản có quan hệ hỗ trợ lẫn nhau:

* *Dựa trên địa bàn hấp dẫn về tự nhiên:*

Đối tượng của DLST là những khu vực hấp dẫn với các đặc điểm phong phú về tự nhiên, đa dạng về sinh học và kể cả những nét văn hoá bản địa đặc sắc. Đặc biệt, những khu tự nhiên còn tương đối nguyên sơ, ít bị tác động lớn bởi các hoạt động của con người. Chính vì vậy, hoạt động DLST thường diễn ra và thích hợp tại lãnh thổ các vườn quốc gia và các khu bảo tồn tự nhiên.

* *Hỗ trợ bảo tồn, đảm bảo bền vững về sinh thái:*

Thách thức đối với DLST trong bất kỳ một quốc gia hay một khu vực nào là khai thác hợp lý tiềm năng cho du lịch, đảm bảo chất lượng sản phẩm mà lại không gây tác động có hại ngược trở lại môi trường. DLST có thể tạo ra nguồn thu cho việc quản lý bảo tồn nguồn tài nguyên ngoài những lợi ích về văn hoá

- xã hội. Sự đóng góp về tài chính với một phần chi phí trong chuyến đi của du khách có thể giúp chi trả cho một dự án bảo tồn nào đó.

** Có giáo dục môi trường (GDMT):*

Đặc điểm GDMT trong DLST là một yếu tố cơ bản thứ hai phân biệt nó với loại du lịch tự nhiên khác. Giải thích và GDMT là những công cụ quan trọng trong việc tăng thêm những kinh nghiệm du lịch thú vị và nâng cao kiến thức và sự trân trọng môi trường cho du khách, dẫn đến hành động tích cực đối với bảo tồn, góp phần tạo nên sự bền vững lâu dài của hoạt động DLST trong những khu tự nhiên.

** Mang lại lợi ích cho địa phương:*

DLST cải thiện đời sống, tăng thêm lợi ích cho cộng đồng địa phương và môi trường của khu vực. Cộng đồng địa phương chỉ có thể tham gia vào những công việc vận hành DLST, trên phương diện cung cấp về kiến thức, những kinh nghiệm thực tế, các dịch vụ, các trang thiết bị và các sản phẩm phục vụ khách. Những lợi ích này nhất thiết phải "nặng ký" hơn sự trả giá về môi trường và văn hoá - xã hội nảy sinh từ du lịch mà cộng đồng địa phương phải gánh chịu.

** Thoả mãn nhu cầu về kinh nghiệm du lịch cho du khách:*

Việc thoả mãn những mong muốn của khách tham quan với những kinh nghiệm du lịch lý thú là cần thiết đối với sự tồn tại sống còn lâu dài của ngành DLST, trong đó có một phần quan trọng là sự an toàn cho du khách và phải thoả mãn hoặc vượt quá sự mong đợi của du khách.

Trong 5 đặc trưng trên, ba đặc trưng đầu được coi là cần thiết của loại hình DLST và là những đặc trưng để phân biệt với các loại hình du lịch khác.

Với những đặc trưng trên, DLST thích hợp được phát triển trên địa bàn của các vườn quốc gia. Có thể thấy điều đó qua định nghĩa và chức năng của VQG.

- *Khái niệm Vườn quốc gia (VQG):* Một VQG là một lãnh thổ mà:
 - Ở đó có một hay vài hệ sinh thái không bị thay đổi lớn trong đó chứa đựng các cảnh quan thiên nhiên đẹp.
 - Ở đó có ban quản lý, ngăn chặn hoặc loại bỏ sự khai thác hoặc chiếm lĩnh khu vực đảm bảo về sinh thái, hình thái học và cảnh quan.
 - Nơi đó khách du lịch đến thăm, dưới những điều kiện đặc biệt, với mục đích nghiên cứu, giáo dục, văn hoá, giải trí và lòng ngưỡng mộ.
- *Chức năng:*
 - Bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá;
 - Nghiên cứu, phục vụ khoa học;
 - Phục vụ tham quan du lịch.

Như vậy các VQG & KBTTN là địa bàn thích hợp với loại hình DLST (và ngược lại)

4. Nguyên tắc của Du lịch sinh thái.

Bởi vì DLST buổi ban đầu chỉ là một ý tưởng, không phải là một ngành khoa học, nên rất nhiều các nhà kinh doanh du lịch và chính phủ các nước thúc đẩy phát triển nó mà không hiểu về những nguyên tắc cơ bản của nó.

Để phát triển loại hình DLST theo đúng hướng (tức là khai thác các tài nguyên cho phát triển DLST nhưng vẫn phải giữ được hệ sinh thái bền vững) đòi hỏi những nhà quản lý phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

** Có hoạt động giáo dục và diễn giải nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường, qua đó tạo ý thức tham gia vào các nỗ lực bảo tồn*

Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động DLST, tạo ra sự khác biệt rõ ràng giữa DLST với các loại hình du lịch dựa vào tự nhiên khác. Du khách khi rời khỏi nơi mình đến tham quan sẽ phải có được sự hiểu biết cao hơn về các giá trị của môi trường tự nhiên, về những đặc điểm sinh thái khu vực và văn hoá bản địa. Từ những hiểu biết đó, du khách có những thái độ và hành động tích cực hơn trong việc bảo tồn và phát triển những giá trị về tự nhiên, sinh thái và nhân văn.

** Tránh đến mức tối đa sự can thiệp nhân tạo vào môi trường sinh thái tự nhiên:*

Đây là nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng một điểm du lịch sinh thái. Nguyên tắc này cần được quán triệt trong quá trình quy hoạch phát triển điểm du lịch. Mọi hoạt động xây dựng phải tuân thủ nghiêm ngặt những quy chế bảo vệ sự toàn vẹn của hệ sinh thái, không làm ảnh hưởng đến sự cân bằng sinh thái trong khu vực.

** Phải nghiên cứu xây dựng quy hoạch*

Đây là nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng. Cần phải quy hoạch phù hợp với chức năng bảo tồn quốc gia, phát triển khu vực, phát triển DLST và kinh tế nói chung. Đảm bảo hoạt động du lịch đi đúng hướng, bài bản có kiến thức chuyên môn về DLST. Mặt khác quy hoạch tạo nên tính pháp lý là yếu tố quan trọng đảm bảo cho công tác bảo tồn và phát triển của khu du lịch.

Điều đặc biệt quan tâm là vai trò của cộng đồng địa phương trong quá trình nghiên cứu quy hoạch và tổ chức quản lý thực hiện quy hoạch. Cộng đồng địa phương cần được tham gia vào quá trình này bởi họ là chủ nhân của hệ sinh thái và có vai trò quan trọng đối với việc bảo tồn.

** Nghiên cứu xác định sức chứa.*

Tính bảo tồn của DLST liên quan chặt chẽ tới sức chứa của nó. Du lịch sinh thái cần được tổ chức với sự tuân thủ chặt chẽ các quy định về sức chứa, vì nếu những hoạt động du lịch diễn ra vượt quá ngưỡng cần thiết để bảo tồn chính hệ sinh thái thì sẽ dẫn đến sự đổi thay ảnh hưởng đến môi trường, dẫn đến làm mất cân bằng sinh thái, suy giảm đa dạng sinh học. Từ đó làm giảm chính sự hấp dẫn của điểm du lịch.

** Phải quan tâm đến phát triển cộng đồng:*

Đây vừa là nguyên tắc vừa là mục tiêu hướng tới của DLST. Nguyên tắc này phải được tuân thủ và thực hiện nghiêm túc từ khâu quy hoạch cho đến quản lý vận hành sau quy hoạch. DLST phải hướng tới việc huy động tối đa sự tham gia của người dân địa phương, như tham khảo ý kiến của cộng đồng khi thiết kế quy hoạch, tạo điều kiện để cộng đồng góp phần tham gia vào đảm nhiệm vai trò hướng dẫn viên, đáp ứng chỗ nghỉ cho khách, cung ứng các nhu

cầu về thực phẩm, hàng lưu niệm cho khách... Thông qua đó sẽ tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương. Kết quả là cuộc sống của người dân sẽ ít bị phụ thuộc hơn vào việc khai thác tự nhiên, đồng thời họ sẽ nhận thấy lợi ích của việc bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển DLST.

Theo Quy chế quản lý các hoạt động DLST tại các VQG & KBTTN ban hành kèm theo Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN, ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tại Chương I, Điều 4 thì khi tổ chức các hoạt động du lịch sinh phải phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Các hoạt động DLST không được làm ảnh hưởng đến diễn thế tự nhiên của các hệ sinh thái, đời sống tự nhiên của các loài động thực vật hoang dã, cảnh quan thiên nhiên cũng như bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư ở địa phương tại các VQG & KBTTN

- Lợi nhuận từ các dịch vụ DLST được tái đầu tư cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại các VQG & KBTTN. Tỷ lệ tái đầu tư cho bảo tồn được thực hiện theo quy định của nhà nước.

- Cộng đồng dân cư ở địa phương được tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động DLST để nâng cao thu nhập cũng như nhận thức trách nhiệm về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Trên cơ sở các nguyên tắc chung của DLST, đối với mỗi chủ thể trong DLST còn phải đáp ứng các nguyên tắc chỉ đạo cụ thể như sau:

**** Nguyên tắc chỉ đạo cho khách DLST***

- Tôn trọng văn hóa địa phương và không đưa nếp sống thành thị vào nơi du khách tới.

- Không lại gần quá động vật hoang dã và không cho chúng ăn.

- Không thu thập động thực vật được bảo vệ và bị đe dọa.

- Không mua động thực vật được bảo vệ và bị đe dọa hoặc các sản phẩm làm từ chúng.

- Mang rác thải về nhà và hạn chế làm ô nhiễm môi trường nước và đất.

- Học về văn hóa và tự nhiên của nơi du lịch trước khi bạn đến thăm.

- Quan tâm đến cuộc sống đời thường và vấn đề môi trường thông qua chuyến đi.

- Sống gần gũi với thiên nhiên và tiếp thu lối sống thân thiện với thiên nhiên thông qua kinh nghiệm của chuyến đi.

**** Nguyên tắc chỉ đạo cho các nhà điều hành DLST và các hướng dẫn viên du lịch***

- Lập kế hoạch chuyến đi nhằm đảm bảo cho chuyến đi đảm bảo những yêu cầu về bảo tồn môi trường và đa dạng sinh học.

- Chọn những nơi du lịch sẵn sàng tiếp nhận DLST.

- Lắng nghe ý kiến của các nhà du lịch, tổ chức bảo tồn phi chính phủ cũng như cộng đồng địa phương trong giai đoạn quy hoạch.

- Không chấp nhận nhóm du lịch lớn hơn hai mươi người.

- Tổ chức định hướng cho khách du lịch trước chuyến du lịch.

- Tuyển và sử dụng hướng dẫn viên có hiểu biết và thực hành về DLST.
- Tuyển và sử dụng các hướng dẫn viên là người địa phương – những người quen thuộc với tự nhiên và văn hóa địa phương của nơi du lịch.
- Chọn nơi ăn ở do người địa phương quản lý và giới thiệu các vật lưu niệm có ý nghĩa về môi trường cho khách du lịch.
- Khuyến khích du khách tiếp xúc với dân địa phương.
- Thu thập những ý kiến nhận xét của cộng đồng địa phương cũng như du khách để có những điều chỉnh với chương trình du lịch.

*** Nguyên tắc chỉ đạo cho chủ nhà trọ**

- Chọn nơi thích hợp để làm nơi ăn nghỉ cho khách DLST.
- Làm giảm tới mức thấp nhất những tác động lên thiên nhiên và văn hóa địa phương khi lập kế hoạch xây dựng khu ăn nghỉ.
- Hãy giám sát các ảnh hưởng của khu ăn nghỉ đến môi trường xung quanh, phong cảnh, năng lượng.
- Không cung cấp những phương tiện hay dịch vụ không cần thiết.
- Giải thích về thiên nhiên và văn hóa địa phương cho du khách.
- Trao đổi thông tin với các nhà tự nhiên học địa phương, các nhóm bảo tồn và các nhà quản lý giáo dục tại các trung tâm đón khách.
- Cho khách ăn những món ăn và bán cho họ những món quà làm bằng sản phẩm địa phương.
- Đem những hiểu biết và thông tin thu lượm được từ DLST phục vụ trở lại cho cộng đồng địa phương.
- Tham gia và các sự kiện và hoạt động giáo dục liên quan đến bảo tồn thiên nhiên và gìn giữ văn hóa địa phương.

*** Nguyên tắc chỉ đạo cho các nhà quản lý KBTTN**

- Nghiên cứu về sức chịu chứa của KBTTN để đặt ra số lượng du khách tối đa và kiểm soát để phòng chống sự sử dụng quá mức các khu này.
- Hạn chế những hành vi có tác động xấu đến tự nhiên và giới thiệu những hoạt động có tác động nhỏ nhất đến thiên nhiên.
- Lập ra một hệ thống để thu lợi nhuận từ DLST được dùng cho việc bảo vệ các KBTTN.
- Thiết lập những phương tiện giáo dục môi trường như trung tâm du khách, các đường mòn thiên nhiên.
- Cung cấp thông tin và nội dung giáo dục môi trường liên quan đến tự nhiên thiên nhiên và văn hóa địa phương.
- Thu thập hệ thống thông tin dẫn liệu khoa học về sự quản lý hệ sinh thái và giáo dục môi trường.
- Cung cấp các cơ hội nghiên cứu và đào tạo cho những nhà điều hành và hướng dẫn viên du lịch.
- Hỗ trợ các hoạt động giáo dục môi trường do các nhóm tình nguyện và tổ chức tư nhân đảm nhận.
- Đưa DLST vào kế hoạch quản lý KBTTN như là một công cụ quan trọng.

- Giám sát các ảnh hưởng qua lại của du lịch đối với bảo tồn thiên nhiên và cộng đồng địa phương.

- Thiết lập một khu vực mẫu về DLST trong phạm vi VQG.

5. DLST và các loại hình du lịch khác

Kể từ khi xuất hiện thuật ngữ vào những năm 1980, DLST đã được tiến triển song hành với một số các thuật ngữ và loại hình du lịch liên quan, bao gồm, du lịch tự nhiên (hay du lịch dựa vào tự nhiên, thiên nhiên), du lịch (tự nhiên) bền vững, du lịch thay thế, du lịch mạo hiểm... Tất cả những thuật ngữ này đã được sử dụng một cách hoán đổi nhau, nhưng không có nghĩa đồng nghĩa hoàn toàn với DLST. Đây là một thực tế đáng tiếc, bởi vì sự sử dụng sơ ý chỉ tạo ra sự hiểu sai và lẫn lộn về thuật ngữ. Mục đích của phần này là nhằm xem xét và cung cấp những thông tin về mối quan hệ giữa DLST và các thuật ngữ liên quan gần gũi.

5.1. Du lịch thiên nhiên (tự nhiên)

Được hiểu là loại hình du lịch dựa trên sự tham quan của du khách tới các khu vực tự nhiên hấp dẫn. Là thuật ngữ rất gần với DLST nhưng không nhất thiết chú trọng bảo vệ thiên nhiên hay phát triển bền vững. Là hình thức du lịch tồn tại phổ biến ở các khu vực tự nhiên trước khi kế hoạch DLST được thiết lập và những quy định nghiêm ngặt về bảo tồn được thực thi. Một số loại hình khác của du lịch tự nhiên gồm du lịch 3S (sea, sand, sun) – biển, cát và nắng; du lịch mạo hiểm; du lịch chữa bệnh; du lịch khám phá (săn bắn, câu cá). Không giống như DLST, những loại hình du lịch này không bị hạn chế bởi những quy định ngặt nghèo liên quan tới hợp phần giáo dục trong DLST hoặc phải có sự phát triển bền vững.

5.2. Du lịch văn hóa

DLST hàm chứa cả yếu tố văn hóa làm đặc điểm hấp dẫn khách du lịch, nhưng nó hiếm khi được đánh đồng với DLST. Đơn giản là bởi vì sản phẩm du lịch văn hóa dựa chủ yếu vào yếu tố văn hóa, trong khi đó yếu tố này chỉ là yếu tố phụ trong DLST. Mối quan hệ giữa DLST và du lịch văn hóa có thể được biểu diễn ở hình sau. Du lịch văn hóa có thể được chia làm 2 loại: Loại thứ nhất và loại hình du lịch truyền thống là loại mà du khách trải nghiệm văn hóa thông qua việc viếng thăm các bảo tàng và xem các buổi biểu diễn âm nhạc và nhảy múa tại các rạp hát, cơ sở lưu trú hoặc có thể diễn ra ở các cộng đồng địa phương. Trong nhiều trường hợp, hoạt động này bị thương mại hóa để phục vụ cho du khách, dẫn đến sự xuống cấp của văn hóa bản địa truyền thống. Loại thứ hai có xu hướng nhân bản và bao gồm động cơ giúp du khách có thể có thể học hỏi các giá trị văn hóa bản địa hơn là chỉ nhìn ngắm các hoạt động. Ví dụ: Hiện nay có xu hướng học tập xem làm thế nào để người bản địa có thể sử dụng nguồn tài nguyên tự nhiên. Loại hình du lịch thường được so sánh với DLST hoặc có chứa yếu tố DLST.

5.3. Du lịch mạo hiểm

Để được coi là du lịch mạo hiểm, một chương trình du lịch phải chứa đựng trong nó các yếu tố sau đây:

- Có yếu tố mạo hiểm;

- Có mức độ vận động cao;
- Đòi hỏi phải đạt được những kỹ năng đặc biệt nhất định để có thể tham gia thành công và an toàn vào hoạt động.

Một số dạng của DLST (đặc biệt là những dạng hoạt động diễn ra ở các môi trường biển và những vùng hoang sơ) đáp ứng được những đòi hỏi trên và do vậy được cho là tương đương với du lịch mạo hiểm. Tuy nhiên vì một số lý do mà hầu hết các loại hình du lịch mạo hiểm không được cho là DLST. Thứ nhất, các yếu tố hấp dẫn của du lịch mạo hiểm không phải lúc nào cũng dựa vào thiên nhiên, ví dụ như các yếu tố nội chiến hoặc các điểm đến có thể có xung đột, chiến tranh có thể là được coi là hấp dẫn những người ưa du lịch mạo hiểm. Thứ hai, tương tự như du lịch dựa vào tự nhiên nói chung, du lịch mạo hiểm không nhất thiết phải có yếu tố bền vững, dù trên thực tế rất nhiều các công ty kinh doanh chương trình du lịch mạo hiểm hướng theo cách bền vững. Thứ ba và là điểm khác biệt nhiều tranh cãi nhất giữa du lịch mạo hiểm và DLST liên quan tới bản chất sự tương tác lẫn nhau giữa người tham gia vào hoạt động du lịch và yếu tố hấp dẫn. Trong khi khách DLST chủ yếu mong muốn được trải nghiệm thông qua giáo dục, học tập thì khách du lịch mạo hiểm lại chủ yếu mong muốn một môi trường sẵn có các phương tiện mạo hiểm, đầy thách thức và phải vận động nhiều.

5.4. Du lịch xanh/bền vững

Là loại hình sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách đúng đắn nhất. Du lịch xanh hay du lịch bền vững có thể giúp làm xanh và sạch hóa công nghiệp du lịch. Ví dụ có thể là công nghiệp hàng không sử dụng năng lượng một cách hiệu quả, các chuỗi khách sạn thực thi những điều khoản bảo vệ môi trường như giảm tải nước thải...

Là loại hình rất gần gũi với DLST nhưng không nhất thiết phải bao gồm đầy đủ các tiêu chuẩn và đặc trưng của DLST thực thụ. Ví dụ: Cáp treo trở khách xuyên rừng ở một số điểm du lịch có thể tạo ra thu nhập cho công tác bảo tồn và giáo dục du khách, nhưng vì đây là hoạt động có mức độ cơ giới hóa cao và thường tạo ra những rào cản giữa du khách và môi trường thiên nhiên, nên nó khó có thể phù hợp để được miêu tả là hoạt động DLST.

Trên thực tế, du lịch xanh bền vững có nội hàm rộng hơn DLST và ranh giới giữa DLST và du lịch xanh/bền vững nhiều khi rất khó phân biệt. Du lịch xanh/bền vững sẽ trở thành DLST nếu nó đáp ứng được đầy đủ các đặc điểm nghiêm ngặt của DLST.

5.5. Du lịch nghiên cứu/khoa học

Là loại hình nhằm mục đích chủ yếu nghiên cứu và điều tra về các loài động, thực vật, các cảnh quan tự nhiên... Du lịch nghiên cứu khoa học thường được tiến hành chủ yếu ở các điểm du lịch thiên nhiên và thường có đóng góp cho công tác bảo tồn. Ví dụ: Nghiên cứu điều tra về hệ thống hang động ở Phong Nha, Quảng Bình. Tuy nhiên du lịch nghiên cứu khoa học cũng có thể tiến hành ở các địa điểm ngoài thiên nhiên. Một số chuyến du lịch nghiên cứu khoa học được coi là DLST bởi vì các chuyến đi này có cung cấp các thông tin

về mối liên hệ giữa sinh vật sống và môi trường tự nhiên của khu vực nghiên cứu cũng như đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và đặc điểm của DLST.

5.6. Du lịch gắn liền với thiên nhiên.

Là loại hình thư giãn giúp con người được gần gũi, thân thiện với thiên nhiên. Thường được tổ chức dưới dạng câu lạc bộ. Thường chọn các địa điểm thiên nhiên để tổ chức. Về mặt nào đó nó là hoạt động thể thao. Hiện nay ở Việt Nam chưa có loại hình du lịch này, nhưng ở một số nước phát triển như Anh, Mỹ... loại hình du lịch này đã trở lên dần phổ biến.

5.7. Du lịch săn bắn.

Là những chuyến đi của du khách tới Châu Phi, ban đầu là để tham gia vào hoạt động săn bắn các loài động vật hoang dã. Hình thức du lịch này đặc biệt phát triển ở các nước như Kenya, Tanzania, Nam Phi. Thuật ngữ safari (du lịch săn bắn) có nguồn gốc từ tiếng Ả rập có nghĩa là lữ hành (travel), được đưa vào trong ngôn ngữ tiếng Anh nửa cuối thế kỷ 19. Hầu hết những người Phương Tây vẫn còn tin rằng tour safari đích thực chỉ có thể có ở Đông Phi, cụ thể là Kenya và Tanzania, mà không phải là trên toàn bộ Châu Phi. Điều đó có nghĩa là nếu bạn đang ở Nam Phi để tham gia các chương trình ngắm các loài thú lớn, cũng không có nghĩa bạn đang trải nghiệm loại hình du lịch săn bắn.

Ngày nay hình thức mới của safari tour có thể là xem, chụp ảnh các loài động vật, do vậy hình thức du lịch này có mặt khắp nơi.

5.8. Du lịch hoang dã.

Đơn giản là loại hình du lịch quan sát đời sống của động, thực vật và môi trường sống của chúng (cả ở môi trường tự nhiên lẫn môi trường nuôi nhốt hay bán hoang dã). Là loại hình du lịch có thể gần gũi với động vật và hệ sinh thái. Loại hình du lịch này đặc biệt phát triển trong những thập kỷ gần đây. Ít nhiều tương tự với loại hình du lịch safari tour

6. Các bên tham gia vào DLST

6.1. Các chuyên gia lập quy hoạch và xây dựng chính sách

Các nhà hoạch định chính sách thường là các nhà khoa học làm công tác quy hoạch, xây dựng các chính sách phát triển du lịch sinh thái trong các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước. Vai trò của họ là nghiên cứu để xác định các định hướng phát triển phù hợp với tiềm năng và điều kiện thực tế, đề xuất các chính sách, giải pháp nhằm đảm bảo cho việc thực hiện những định hướng đó. Vì vậy họ là những người có vai trò quan trọng đối với sự phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng.

Đứng trên quan điểm của công tác quản lý lãnh thổ thì mục tiêu bảo tồn được xem trong hàng đầu, trong khi đó các tổ chức kinh doanh du lịch lại coi trong các mục tiêu thương mại trong việc khai thác lãnh thổ. Điều đó đòi hỏi các nhà quy hoạch và lập chính sách phát triển du lịch sinh thái phải có được phương án và các giải pháp phù hợp để tối đa hóa lợi ích từ hoạt động phát triển du lịch sinh thái, đồng thời đảm bảo việc phát triển du lịch sinh thái phải như một công cụ hữu hiệu để phục vụ cho công tác bảo tồn. Quá trình tổ chức

khai thác tài nguyên lãnh thổ nhằm phục vụ phát triển du lịch sinh thái được các nhà quy hoạch và xây dựng chính sách tiến hành theo các bước:

- Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái chỉ được xem xét để thực hiện trên những vùng lãnh thổ đặc trưng, đảm bảo các yêu cầu cần thiết. Quá trình thực hiện quy hoạch cần được tiến hành trong khuôn khổ của các quy định và luật pháp sao cho Chính phủ chấp nhận được các đề xuất đưa ra.

- Trên một số vùng được các nhà quy hoạch cân nhắc để tổ chức du lịch sinh thái, câu hỏi đầu tiên cần đặt ra là: “Loại hình du lịch này có được phép phát triển ở đây không?”.

- Nếu như hoạt động du lịch sinh thái có thể được tiến hành thì vấn đề nghiên cứu tiếp theo sẽ là: “Hoạt động phát triển đến mức độ nào là phù hợp?”.

- Các nhà hoạch định chính sách cần nhận thức đầy đủ trách nhiệm hướng tới những nguyên tắc của du lịch sinh thái để cân nhắc: “Những hoạt động du lịch được hoạch định phát triển có thể được coi là du lịch sinh thái không?”

- Các nhà hoạch định chính sách cần có được những hiểu biết về yêu cầu điều chỉnh giới hạn bảo vệ lãnh thổ khỏi các tác động của hoạt động du lịch, để một mặt phù hợp với quyền lợi thực tế của cộng đồng địa phương và mặt khác đảm bảo các lợi ích kinh doanh du lịch.

6.2. Các cán bộ ở các cơ quan quản lý nhà nước

Đối với các khu bảo tồn thiên nhiên và các vườn quốc gia, nơi có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển du lịch sinh thái, hiện tồn tại 2 hệ thống quản lý

- Quản lý theo ngành (Cục Kiểm lâm – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

- Quản lý theo lãnh thổ (Chính quyền địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương)

Tuy nhiên, đối với bất kỳ hình thức quản lý nào, để có thể khai thác có hiệu quả tiềm năng lãnh thổ phục vụ phát triển du lịch sinh thái trên quan điểm bảo tồn và phát triển bền vững, yêu cầu đầu tiên đối với các nhà quản lý lãnh thổ là sự kiểm soát thường xuyên đối với sự biến đổi các hệ sinh thái và môi trường tự nhiên trong phạm vi được quản lý.

Điều này yêu cầu các nhà quản lý lãnh thổ phải có sự đánh giá đầy đủ về hiện trạng sinh thái môi trường, các tác động chủ yếu do hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trước và trong quá trình phát triển du lịch sinh thái để có thể đề xuất những biện pháp thích hợp trong việc điều chỉnh và quản lý các tác động tiêu cực.

Trong quá trình phát triển du lịch, việc tuyên truyền giáo dục cộng đồng là một trong những giải pháp quan trọng mà các nhà quản lý theo lãnh thổ cần thực hiện nhằm khuyến khích người dân địa phương và các nhà điều hành du lịch có được những nỗ lực chung cho sự phát triển bền vững.

Các nhà quản lý lãnh thổ cũng cần phải kết hợp chặt chẽ với những người điều hành du lịch ở khu vực mình quản lý nhằm:

- Đảm bảo hiệu quả của công tác điều hành du lịch trong những giới hạn

cho phép.

- Đảm bảo an toàn cho khách, trật tự xã hội ở khu vực quản lý.
- Đảm bảo hiệu quả của hoạt động kinh doanh và qua đó đảm bảo sự đóng góp vào quá trình bảo tồn và phát triển bền vững ở lãnh thổ được quản lý

6.3. Các nhà điều hành du lịch

Là những người có vai trò quan trọng trong việc tổ chức điều hành cụ thể hoạt động du lịch sinh thái, họ trực tiếp chịu trách nhiệm xác định các phương thức tiến hành hoạt động, lựa chọn địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, xây dựng các chương trình tour trọn gói, xác định các dịch vụ mà công ty có thể cung cấp cho khách với cơ chế giá cả cạnh tranh. Chính vì vậy họ phải là những người có hiểu biết toàn diện về tổ chức kinh doanh, song phải luôn tôn trọng những nguyên tắc của du lịch sinh thái. Điều này cần được thể hiện cụ thể trong mọi hoạt động điều hành của họ.

- Thiết lập nhận thức về môi trường và văn hóa thông qua việc thông tin và giáo dục với du khách.

- Giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường.
- Cung cấp lợi nhuận tài chính trực tiếp cho công tác bảo tồn.
- Tôn trọng văn hóa địa phương.
- Ủng hộ các doanh nghiệp và các nhà cung cấp dịch vụ địa phương.
- Cung cấp dịch vụ hướng dẫn là người địa phương và trợ giúp đào tạo các hướng dẫn viên địa phương.
- Quản lý các hoạt động một cách có trách nhiệm, sử dụng hướng dẫn viên địa phương phục vụ du khách.
- Ủng hộ VQG & KBTTN, trả lệ phí vào cửa bất kỳ thời gian nào.
- Làm việc với các tổ chức phi chính phủ địa phương và chính phủ trong việc phát triển kế hoạch quản lý khách du lịch nhằm bảo vệ môi trường và người dân địa phương.
- Tránh tập trung đông, khai thác quá các điểm du lịch trong hành trình và giúp khám phá các điểm ít được biết đến.

Cung cấp cơ sở lưu trú ở các điểm du lịch nhạy cảm.

Trích từ cuốn sách Hướng dẫn DLST cho các nhà điều hành du lịch thiên nhiên, Hội DLST Quốc tế, 1993. Nguồn: Lindberg (1993)

Trách nhiệm của các nhà điều hành là hết sức lớn bởi họ phải đảm bảo lợi ích của tổ chức kinh doanh du lịch, đồng thời phải đảm bảo các nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững. Điều này đòi hỏi nhà điều hành có sự phối hợp chặt chẽ với các nhà quản lý nhà nước, các nhà quy hoạch, các nhà quản lý lãnh thổ và người dân địa phương.

6.4. Hướng dẫn viên du lịch

Hướng dẫn viên du lịch là người sử dụng ngôn ngữ đã lựa chọn để giới thiệu và giải thích cho du khách các di sản văn hóa cũng như thiên nhiên của một vùng cụ thể được các cơ quan liên quan công nhận. Nói cách khác, hướng dẫn viên du lịch là người thực hiện các điều khoản được ký kết trong hợp đồng cung ứng dịch vụ lữ hành, giúp doanh nghiệp lữ hành thu được lợi nhuận